

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành
Dự án: Trụ sở làm việc Phòng Cảnh sát giao thông
thuộc Công an tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 343/TTr-STC ngày 27/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

- Dự án: Trụ sở làm việc Phòng Cảnh sát giao thông thuộc Công an tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Công an tỉnh Bình Định.
- Địa điểm xây dựng: Khu vực 7 phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021-2023.
- Thời gian khởi công, hoàn thành: 02/12/2021-26/10/2023.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt lần cuối	Giá trị phê duyệt quyết toán
	Tổng cộng chi phí	49.956.000.000	46.943.378.000
I	Chi phí xây dựng	39.750.584.419	43.844.078.000
II	Chi phí thiết bị	5.322.414.880	

III	Chi phí Quản lý dự án	870.642.953	0
IV	Chi phí tư vấn đầu tư	2.937.053.174	2.910.850.000
1	Chi phí lập báo cáo NC khả thi	333.503.835	333.503.000
2	Chi phí TK BVTC	970.609.000	970.609.000
3	Chi phí thẩm tra TK BVTC- Dự toán	149.915.000	149.915.000
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	1.099.050.000	1.083.761.000
5	Chi phí lập HSMT và phân tích ĐG HSDT nhà thầu tư vấn TK BVTC và DT	7.940.000	7.940.000
6	Chi phí lập HSMT và phân tích ĐG HSDT	144.383.948	144.383.000
8	Chi phí lập HSMT- phân tích đánh giá HSDT phần tư vấn giám sát	8.353.000	8.353.000
9	Chi phí thẩm tra BC NCKT	61.264.086	61.264.000
10	Chi phí khảo sát địa chất	116.210.000	116.210.000
11	Chi phí khảo sát địa hình	34.912.000	34.912.000
12	Thí nghiệm đường dây 22KV	4.826.310	
13	Thí nghiệm TBA	6.087.864	
V	Chi phí khác	269.118.567	188.450.000
1	Chi phí bảo hiểm	43.585.140	45.194.000
2	Chi phí BH rủi ro TB công trình	1.609.254	
3	Chi phí HĐTV GQKN của nhà thầu về KQ LCNT TV TK BVTC, thi công xây lắp , mua sắm TB, tư vấn giám sát	8.558.165	
4	Chi phí thẩm định HSMT và KQ LCNT phần TK BVTC và DT	2.000.000	
5	Chi phí thẩm định HSMT và KQ LCNT phần Thi công xây dựng	36.020.777	
6	Chi phí thẩm định HSMT và KQ LCNT phần mua sắm TB	4.876.528	
7	Chi phí thẩm định HSMT và KQ LCNT phần tư vấn giám sát	2.000.000	

8	Chi phí thẩm định dự án	3.747.000	3.747.000
9	Chi phí thẩm định TK BVTC - Trường hợp Sở QL chuyên ngành không thẩm định toàn bộ nội dung		
10	Chi phí thẩm định DT TK BVTC - Trường hợp Sở QL chuyên ngành không thẩm định toàn bộ nội dung		
11	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	141.078.219	137.561.000
12	Chi phí thẩm duyệt PCCC	1.948.284	1.948.000
13	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	1.195.200	
14	Chi phí thẩm định giá TB	6.000.000	
15	Chi phí ngắt và đóng điện trở lại	16.500.000	
VI	Chi phí dự phòng	806.186.007	

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

T	T	Nội dung	Dự toán duyệt lần cuối	Thực hiện		
				Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
	Tổng cộng	49.956.000	46.943.378	45.265.821	1.677.557	0
	Vốn đầu tư công NST			45.265.821		

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số	46.943.378.000	46.943.378.000		

1- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	46.943.378.000	46.943.378.000		
--------------------------------------	----------------	----------------	--	--

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

4.1 Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

4.2 Chi phí không tạo nên tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là: 46.943.378.000 đồng.

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	46.943.378.000	
1) Vốn đã thanh toán:	45.265.821.000	
Vốn ĐT công NST	45.265.821.000	
2) Vốn còn thanh toán tiếp:	1.677.557.000	

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết (16/8/2024) là:

- Tổng nợ phải trả : 1.677.557.000 đồng, bao gồm:

+ Chi phí xây lắp-TB : 1.310.836.000 đồng.

+ Chi phí tư vấn : 229.160. đồng, bao gồm:

. Chi phí TK BVTC : 96.185.000đ.

. CP thẩm tra TK BVTC-DT : 14.988.000đ.

. Chi phí giám sát thi công : 109.634.000đ.

. CP lập HSMT- Phân tích ĐG HSDT

phần TV GS: 8.353.000đ.

+ Chi phí khác : 137.561.000 đồng.

. CP thẩm tra phê duyệt quyết toán: 137.561.000đ.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
Công an tỉnh Bình Định	46.943.378.000	

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Chịu trách nhiệm về những nội dung, công việc của từng đơn vị, cơ quan đã thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan tiến hành cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh N.T.C.Hoàng;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K18, K14.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng